

TÁC ĐỘNG CỦA BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU ĐẾN ĐÀM PHÁ TAM GIANG - NHỮNG THÁCH THỨC ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG VẠN ĐỒ ĐỊNH CƯ

Phạm Văn Thiện

Trung tâm KHXH & NV, Trường Đại học Khoa học Huế

Email: thienjob@gmail.com

TÓM TẮT

Biến đổi khí hậu (BĐKH) đã và đang gây ra nhiều áp lực, ảnh hưởng sâu sắc đến mọi khía cạnh của đời sống kinh tế, văn hóa, sinh hoạt của cộng đồng vạn đồ định cư ven đầm phá Tam Giang, tỉnh Thừa Thiên Huế. Mặc dù đã được lên bờ sau những đợt thiên tai nặng nề, cộng đồng vạn đồ định cư vẫn đang đối mặt với những thách thức như sạt lở, xâm thực, nước biển dâng, thiếu đất ở dự phòng, cạn kiệt tài nguyên, ô nhiễm môi trường đầm phá. Thực tế này đã làm nảy sinh nhiều vấn đề xã hội như thất nghiệp, di cư lao động, tái xuống đò, tái mù chữ, gây ra những bất cập cho quản lý, phổ biến thực thi chính sách, nhất là về xóa đói giảm nghèo. Trước tác động ngày càng nghiêm trọng của BĐKH đối với đầm phá, những cộng đồng vạn đồ nghèo định cư có sinh kế phụ thuộc hoàn toàn vào tự nhiên dễ bị ảnh hưởng và tổn thương nhất.

Từ khóa: *Áp lực, biến đổi khí hậu, dễ bị tổn thương, sinh kế, vạn đồ định cư.*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Theo Ủy ban Liên chính phủ về Biến đổi khí hậu (IPCC, 2007) và Ngân hàng Thế giới (WB, 2007), Việt Nam là một trong năm quốc gia bị ảnh hưởng nhiều nhất do nước biển dâng cao và sự gia tăng về cường độ cũng như tần suất các hiện tượng thời tiết cực đoan. Nếu nước biển dâng 1m, nhiều khả năng 5% diện tích sẽ bị ngập và 11% dân số sẽ phải di dời lên vùng cao hơn. Trước những diễn biến ngày càng phức tạp của BĐKH, nhóm dân cư sống phụ thuộc vào nông nghiệp, dựa vào nguồn tài nguyên thiên nhiên bị ảnh hưởng nghiêm trọng, nhất là vùng ven biển và đầm phá.

Thừa Thiên Huế là tỉnh ven biển miền Trung Việt Nam, có diện tích 503.320,53ha và dân số 1.127.905 người (Dân số-lao động, 2013). Trong những năm gần đây, Thừa Thiên Huế là một trong những địa phương chịu nhiều thiên tai với các hiện tượng như bão và lũ lụt kéo dài. Kết quả nghiên cứu của Nguyễn Thám và Nguyễn Hoàng Sơn (2010) chỉ ra rằng, tần suất xuất hiện các hiện tượng thiên tai, thời tiết cực đoan ngày càng dày hơn; nhiệt độ trung bình năm đều có xu hướng tăng nhanh, nhất là vùng núi; cường độ mưa tăng rõ rệt, lượng mưa trung bình toàn lãnh thổ khoảng 3.000 mm/năm; từ năm 1952 đến 2010 đã có trên 40 cơn bão ảnh hưởng trực tiếp đến Thừa Thiên Huế.

Hệ đầm phá Tam Giang - Cầu Hai thuộc địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế được đánh giá là đầm phá lớn nhất khu vực Đông Nam Á với diện tích 22.600ha. Trải qua địa phận 31 xã thuộc 05 huyện là Phong Điền, Quảng Điền, Hương Trà, Phú Vang và Phú Lộc, là nơi sinh sống của hơn 300.000 người dân, chiếm hơn 30% dân số tỉnh Thừa Thiên Huế (Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Huế, 2013). Do vị trí địa lý phức tạp giữa một bên là biển, một bên là đầm phá nên thường xuyên chịu tác động của BĐKH thông qua các biểu hiện thời tiết cực đoan như lũ lụt, bão, sạt lở, nước biển dâng, xâm thực. Đặc biệt, đối với cộng đồng vạn đò định cư ven đầm phá Tam Giang có sinh kế hoàn toàn phụ thuộc vào tự nhiên dễ bị ảnh hưởng và tổn thương nhất.

Tuy chính quyền địa phương trong thời gian gần đây đã nhận thức về mối quan hệ giữa các hiện tượng thời tiết cực đoan và biến đổi khí hậu, nhưng vẫn chưa có sự hiểu biết sâu sắc về các vấn đề này. Đặc biệt, tác động và tính dễ bị tổn thương do BĐKH ở cấp độ cộng đồng, cũng như việc lồng ghép các biện pháp thích ứng BĐKH vào chiến lược và kế hoạch phát triển ở cấp tỉnh, huyện và các vùng chưa được thực hiện hoặc thực hiện chưa hiệu quả.

2. NGUỒN SỐ LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu này được thực hiện tại huyện Phú Vang - một huyện có đến 13 xã và thị trấn tiếp giáp với đầm phá - nơi tập trung một số lượng lớn cộng đồng vạn đò định cư sinh sống trước bối cảnh đầm phá đang chịu ảnh hưởng rõ nét của BĐKH. Nguồn thông tin và số liệu được sử dụng phục vụ cho nghiên cứu đa dạng, bao gồm *tổng quan tài liệu thứ cấp* (những thông tin, số liệu được thu thập chưa xử lý và đã xử lý, được phân tích theo phương pháp định tính, có tính cập nhật, phân loại phù hợp với nội dung và mục tiêu của vấn đề nghiên cứu); *khảo sát bảng hỏi và phỏng vấn sâu* (nhằm thu thập thông tin một cách chính xác, chi tiết, phục vụ cho việc đo lường, thống kê, đạt được thông tin về mặt tổng thể, nắm bắt chung về tổng thể nghiên cứu).

Ngoài ra, tiến trình PRA (Participatory Rural Appraisal) kết hợp với phương pháp điền dã được sử dụng nhằm xác định các mốc lịch sử về thiên tai, những biến cố xảy ra theo các giai đoạn. Đây cũng là cơ sở để đưa ra những nhận định về quá trình thay đổi của cộng đồng vạn đò định cư trước các vấn đề xã hội, đồng thời trước những tác động của BĐKH.

3. KẾT QUẢ

3.1. Đặc trưng vùng nghiên cứu

Trong số các địa bàn bị ảnh hưởng bởi BĐKH, Phú Vang là huyện chịu nhiều tác động nặng nề do có 15/20 xã, thị trấn nằm ven biển và tiếp giáp với đầm phá; có bờ biển dài trên 35km, có cửa biển Thuận An và nhiều đầm, phá như đầm Sam, đầm Chuồn, đầm Thanh Lam, đầm Hà Trung, đầm Thủy Tú nằm trong hệ thống đầm phá Tam Giang - Cầu Hai với diện tích trên 6.800 ha mặt nước (Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Huế - CSSH, 2012). Bên

cạnh đó, địa hình của huyện khá phức tạp; đất chật, người đông, với 182.336 nhân khẩu, trong đó có 85.830 lao động, mật độ dân số bình quân 647 người/km². Do đặc trưng phức hợp về địa lý, chịu nhiều biến động, gắn liền với các mốc lịch sử về thiên tai như cơn bão 1985, cơn lũ lịch sử năm 1999, nên Phú Vang được xem là khu vực trọng điểm của các chương trình định cư vạ đò từ năm 1985 cho đến nay (Phòng Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn huyện Phú Vang, 2012). Đây là số dân định cư được đưa lên bờ theo chủ trương của nhà nước kết hợp với các chương trình định canh định cư của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế. Đời sống của bộ phận dân cư này chủ yếu dựa vào khai thác, đánh bắt nguồn lợi tài nguyên trên khu vực đầm phá.

Bảng 1. Tổng số hộ định cư vạ đò tại các xã thuộc huyện Phú Vang từ 2000-2012.

Nguồn: Điều tra của tác giả, 2013.

| Stt | Giai đoạn định cư 2000-2012 | |
|-----|-----------------------------|-------|
| | Xã | Số hộ |
| 1 | Phú Xuân | 58 |
| 2 | Vinh Phú | 71 |
| 3 | Phú An | 88 |
| 4 | Phú Hải | 63 |
| 5 | Vinh Hà | 81 |
| 6 | Phú Mỹ | 55 |
| 7 | Thuận An | 113 |
| 8 | Phú Diên | 84 |

Trong những năm gần đây, do những biến động không định hình của tự nhiên đã gây ra nhiều tác động tiêu cực, ảnh hưởng đến quá trình thay đổi sinh thái đầm phá, hạn chế sự sinh trưởng, phát triển và tồn tại của các loài. Ngoài ra, những tác động về mặt xã hội như gia tăng dân số; số lượng người đánh bắt đông; phương tiện và ngư cụ (cả ngư cụ di động và cố định) tăng lên; cạn kiệt, suy thoái nhiều giống loài; môi trường, nguồn nước ô nhiễm... đã làm gia tăng các nguy cơ, rủi ro, khả năng dễ bị tổn thương của cộng đồng vạ đò định cư ven phá Tam Giang trước tác động của BĐKH (Điều tra của tác giả, 2013).

3.2. Tác động của BĐKH đến vùng phá Tam Giang

3.2.1. Đối với Hệ sinh thái đầm phá

BĐKH đang gây áp lực rất lớn đối với hệ sinh thái (HST) đầm phá Tam Giang, trong đó quá trình biến chuyển phức tạp, trải qua nhiều giai đoạn không định hình và hết sức khó lường. Lịch sử hình thành phá đều do tác động của tự nhiên, chính sự bồi lấp, mở rộng của nó đã tạo ra những ảnh hưởng tích cực lẫn tiêu cực. Dưới tác động của BĐKH, những cơn lũ lịch sử đã dẫn đến việc hình thành, bồi đắp, mở rộng các cửa của phá Tam Giang - Cầu Hai, tạo ra nhiều luồng di cư của các luồng thủy sinh. Có thể kể đến các cơn lũ lịch sử vào năm 1983, 1999, 2004, 2009, toàn huyện Phú Vang có hơn 200 người chết và mất tích, trong đó gần một nửa là cư dân vạ đò. Cơn Đại hồng thủy năm 1999 đã làm đập Hòa Duân vỡ, cửa Thuận An được mở rộng 616m đã cuốn trôi ngôi làng Hòa Duân gồm 64 ngôi nhà ra biển (Điều tra PRA của tác giả, 2013).

Cùng với cửa Thuận An (Phú Vang), cửa Tư Hiền (Phú Lộc) cũng được mở vào con lũ năm 1999 đã trở thành hai địa điểm tiếp biển, giao thoa giữa HST đầm phá và HST ven biển, giúp cho nguồn sinh vật phong phú, đa dạng, là nơi vào ra của tàu thuyền. Tuy nhiên, nó cũng ảnh hưởng đến môi trường, khu vực địa lý, thủy văn thay đổi (nước biển vào, các dòng sông đổ về) làm ngọt hoặc mặn hóa nguồn nước, kéo theo đó là sự thích nghi hoặc loại bỏ các loài trong hệ đầm phá đã làm hạn chế nguồn lợi thủy sinh. Nhiều loài động vật trên cạn có giá trị buôn phải di cư, một số loài thực vật, loài cá biến mất do thay đổi môi trường, dòng nước, thay đổi năng suất sinh học của các hệ sinh thái, chất lượng và thành phần của thủy quyển, sinh quyển, các địa quyển (Nguyễn Văn Huy, 2011)

3.2.2. Nước biển dâng và sạt lở

Địa hình các xã trên địa bàn huyện Phú Vang khá phức tạp. Một bên là biển, một bên là phá, khoảng cách có đoạn chưa đầy 1km, do đó dọc hai bên bờ biển đang chịu ảnh hưởng của sạt lở và nước biển dâng. Chỉ tính riêng trong vòng 5-7 năm trở lại đây, nước biển lấn sâu bình quân 3-5m, có đoạn sâu nhất trên 10m. Đặc biệt khu vực có cư dân định cư ven bờ sinh sống như xã Phú Hải, Phú Diên, Thị trấn Thuận An, Vinh Xuân, Vinh An, Vinh Thanh hàng năm phải di dời một số lượng lớn những hộ nằm trong vùng sạt lở (Điều tra, 2013)

Toàn huyện đã di dời và định cư 470 hộ, trong đó có gần 100 hộ di dời do sạt lở (Phòng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn huyện Phú Vang, 2012).

Trước những tác động ngày càng lớn của BĐKH, người dân sống xung quanh đang rất lo lắng, bất an, điều này làm ảnh hưởng đến tâm lý, đời sống của người dân khu vực ven biển và đầm phá, nhất là các hộ định cư ven bờ.

3.2.3. Xuất hiện nhiều hiện tượng thời tiết cực đoan

Trong thời gian gần đây, mức độ ảnh hưởng của BĐKH biểu hiện qua những hiện tượng thời tiết cực đoan xảy ra thường xuyên, cường độ ngày càng mạnh và bất thường, diễn biến phức tạp và trái với mọi quy luật mà con người đã khám phá.

Bảng 2. Phân loại các hiện tượng thời tiết, thiên tai và tác động vùng phá Tam.

Nguồn: Trung tâm dự báo KTTV Thừa Thiên Huế, 2010.

| Tác động mạnh (hoàn toàn thiệt hại, không thể khắc phục) | Tác động vừa (thấy rõ, khó khắc phục nhưng không bị hại hoàn toàn) | Tác động nhẹ (khó nhận thấy và dễ vượt qua) |
|--|--|---|
| Lũ, lụt | Lũ quét | Sóng thần |
| Bão, ATNĐ | Nắng nóng | Động đất |
| Nước dâng | Xói lở bờ sông | Sương giá |
| Lốc tố | Hạn | Trượt đất |
| Xói lở bờ biển | Xâm nhập mặn | |

Từ năm 1983 đến 2013, trên địa bàn Thừa Thiên Huế nói chung và vùng đầm phá Tam Giang nói riêng xuất hiện 36 cơn bão và áp thấp nhiệt đới; 05 trận lũ lớn vào các năm 1983, 1999, 2004, 2007, 2009; nước dâng kết hợp triều cường làm nước biển dâng 3 – 4m; lốc tố trung bình 04 cơn/năm (những cơn lốc lớn xảy ra vào các năm 1997, 2005, 2007); biển lấn sâu đất liền 5 – 10m, khu vực Hải Dương – Hòa Duân nước biển lấn sâu 100m, gây thiệt hại rất lớn đến người và tài sản (Điều tra của tác giả, 2013).

Trong số những hiện tượng thời tiết cực đoan trên, bão và lũ là hai loại có tác động và gây thiệt hại nặng nề nhất. Số liệu từ Trung tâm dự báo khí tượng thủy văn Thừa Thiên Huế, (2010) cho thấy, trận lũ lớn năm 1983 đã làm 252 người bị chết, 115 người bị thương, 2100 ngôi nhà bị sập, 1511 ngôi nhà bị trôi, 2566 con trâu bò và 20.000 con lợn bị trôi. Năm 1999 lũ lớn làm 352 người chết, 21 người mất tích, 99 người bị thương. Số nhà bị đổ, bị cuốn trôi là 25.015 cái, 1.027 trường học bị sụp đổ, 160.537 con gia súc, 879.676 con gia cầm bị chết và cuốn trôi, thiệt hại 1.761,82 tỷ đồng.

Kết quả nghiên cứu sử dụng công cụ dòng lịch sử của phương pháp PRA tại xã Vinh Phú, huyện Phú Vang về các hiện tượng thời tiết, thiên tai như sau:

Bảng 3. Kết quả thảo luận dòng lịch sử từ năm 1983 đến 2013 tại xã Vinh Phú.

Nguồn: Điều tra PRA (dòng lịch sử) tại xã Vinh Phú, 2013.

| Năm | Hiện tượng thiên tai | Ảnh hưởng |
|------|--|---|
| 1983 | Lũ lớn | 12 người chết và mất tích, ngư cụ bị cuốn trôi hoàn toàn. |
| 1985 | Cơn bão lớn (cơn bão số 7) kèm theo mưa lớn, nước biển dâng. | 10 người chết, 136 chiếc thuyền, ghe bị chìm, hàng trăm ngư cụ cố định mất, thiệt hại trên 10 tỷ đồng. |
| 1992 | Hạn hán kéo dài. | Không có nước sinh hoạt; không có nước cho đồng ruộng, cây hoa màu. Gia súc gia cầm dịch bệnh, ruộng đồng bỏ hoang không thể canh tác đúng mùa vụ. |
| 1999 | Lũ lớn (được xem là trận Đại Hồng Thủy). | Thiệt hại lớn về người, tài sản, ngư cụ, nuôi trồng thủy sản, hoa màu, vật nuôi. |
| 2000 | Xâm nhập mặn. | Nuôi trồng thủy hải sản bị mất trắng, sau đó đến các nghề khai thác di động và cố định. Một số khu vực ruộng trồng lúa thấp trũng cũng bị ảnh hưởng. |
| 2006 | Bão lớn. | 02 người chết, tài sản, nhà cửa tốc mái, ngư cụ bị trôi, thuyền ghe bị mất. |
| 2009 | Bão đổ bộ. | Mặc dù không thiệt hại về người, nhưng đã làm ảnh hưởng lớn đến nuôi trồng thủy sản, nghề nghiệp, nhiều nhà bị đổ, tốc mái, nhiều công trình, cây cối đổ gãy... |
| 2011 | Bão bão kèm áp thấp NĐ. | |
| 2013 | 03 cơn bão đổ bộ. | |

Bên cạnh việc gây hậu quả trực tiếp, bão và áp thấp nhiệt đới còn gây ra lũ lụt do mưa lớn. Bão kết hợp lũ là hình thức thời tiết rất nguy hiểm gây nhiều thiệt hại như cơn bão năm 1985, cơn lũ 1999 đã trở thành nỗi ám ảnh đối với người dân vùng ven biển Thừa Thiên Huế

nói chung và cư dân ven đò ven phá Tam Giang nói riêng. Những cơn bão liên tiếp trong năm 2006, 2009 và 2013 cũng đã gây ảnh hưởng lớn đối với những hộ nuôi trồng sinh thái và đánh bắt ven biển, đầm phá.

Hộp thông tin 1: Ý kiến người dân về các hiện tượng tự nhiên

Ông Trần Cân, thôn Thanh Mỹ, xã Phú Diên cho biết trong vòng mấy năm trở lại đây, bão xuất hiện liên tục với cường độ rất mạnh; lũ lớn nước lên nhanh; nhiều đợt gió mùa và không khí lạnh kéo theo rét đậm kéo dài ngày; nắng nóng gay gắt; nước biển dâng gây ngập úng và làm mặn hóa một số diện tích đất sản xuất nông nghiệp dọc phá và ven bờ biển.

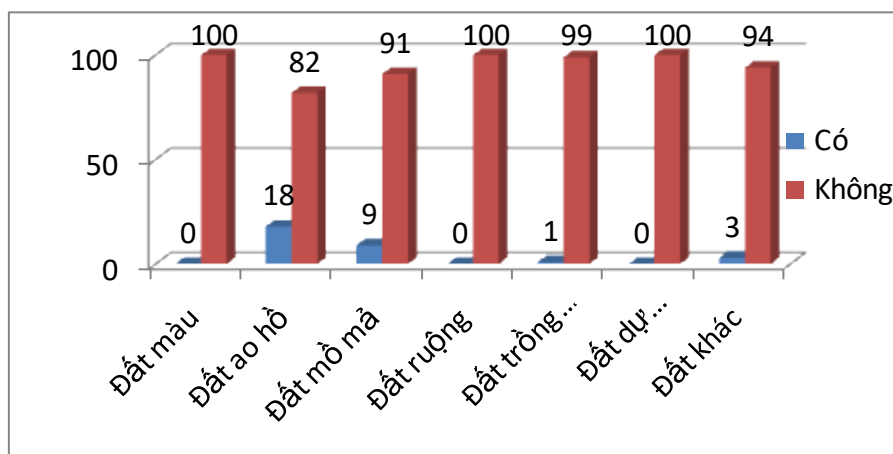
(Phỏng vấn sâu hộ dân, 2013).

Với việc tích hợp mức độ các hiện tượng thời tiết trên, cư dân sống ven biển và khu vực đầm phá Tam Giang đang từng ngày phải đối mặt với những thách thức và khó khăn do thiên tai gây ra.

3.3. Những thách thức đối với cộng đồng ven đò định cư

3.3.1. Áp lực về đất ở và quy hoạch khu định cư

BĐKH cũng gây nhiều áp lực đối với đất ở, ảnh hưởng mạnh đến yếu tố quy hoạch khu dân cư, khu định cư và bố trí các công trình xã hội. IPCC (2007) đã nêu ra các dạng tác động của BĐKH đến nơi cư trú của con người như lũ và sạt lở, bão, chất lượng nước, nước biển dâng, giá rét và nắng nóng, nguồn nước, hỏa hoạn, lốc tố, sản xuất nông nghiệp, băng giá và đảo nhiệt. Sạt lở làm thu hẹp diện tích đất liền, cùng với áp lực tăng dân số nhanh sẽ khiến người dân không có cơ hội tiếp cận đất ở, nhất là hộ nghèo.



Biểu đồ 1. Thực trạng tiếp cận các loại đất của cộng đồng ven đò định cư.

Nguồn: Điều tra của tác giả, 2013.

Thiếu đất ở, đất phục vụ cho sản xuất là thực trạng diễn ra phổ biến tại cộng đồng ven đò định cư ven phá của huyện Phú Vang. Ngoài diện tích đất ở được cấp (bình quân từ 100 –

120m²/hộ), người dân không còn sở hữu loại đất nào khác. Nguyên nhân hạn chế cộng đồng tiếp cận đất được xác định là do diện tích chật hẹp, thiếu quỹ đất dự phòng, quy hoạch bất hợp lý. Đặc biệt, nước biển xâm thực dẫn đến sạt lở, lấn sâu vào khu dân cư trong những năm qua gây thiệt hại về người và tài sản, khó khăn trong việc bố trí và quản lý tái định cư, bất cập trong thực hiện chính sách pháp luật nhà nước, tái xuống đò tiếp diễn.

3.3.2. Suy giảm nguồn lợi tài nguyên đầm phá

Dưới tác động của nhiều nguyên nhân phức tạp về cả tự nhiên (BĐKH) và con người (khai thác không bền vững, ô nhiễm môi trường), nguồn lợi thủy sản tại các vùng đầm phá đã và đang thể hiện xu hướng suy giảm. Thống kê của Sở thủy sản Thừa Thiên Huế (2012) cho thấy, giai đoạn từ những năm 1970 đến 2000, sản lượng khai thác vùng đầm phá Tam Giang đạt trung bình 4000 – 5000 tấn/năm. Từ sau năm 2000 đến nay, sản lượng khai thác đạt khoảng 2000 – 2500 tấn/năm, giảm một nửa so với trước đây. Không chỉ giảm về số lượng, một số loài đặc thù có giá trị kinh tế cao như cá que hương, cá nâu, cá me, cá sơn, cá liệt đã và đang có nguy cơ biến mất khỏi vùng đầm phá. Thực vật phù du với thành phần loài lên tới 232 loài năm 1993, nhưng kết quả điều tra năm 1995 chỉ ghi nhận 144 loài, các loài nước mặn xuất hiện năm 1993 thì sang năm 1995 lại không thấy (Trần Đức Thanh và nnk, 1995).

Bảng 5. Thay đổi diện tích và sản lượng đánh bắt và nuôi trồng ở phá Tam Giang.

Nguồn: Sở thủy sản Thừa Thiên Huế, 2009.

| Danh mục | Đơn vị tính | Năm | | | | | | | |
|-----------------------------|-------------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|
| | | 1996 | 1997 | 1998 | 1999 | 2000 | 2001 | 2002 | 2003 |
| Diện tích | Hecta | 1539,0 | 1530,0 | 1733,0 | 1626,0 | 1850,0 | 2868,0 | 3123,0 | 3694,0 |
| Sản lượng nuôi trồng | Tấn | 302,0 | 646,0 | 516,0 | 602,0 | 772,0 | 1850,0 | 2367,5 | 3560,7 |
| Sản lượng đánh bắt tự nhiên | Tấn | 2397,0 | 2493,0 | 2359,0 | 2559,0 | 2510,0 | 2508,0 | 2437,0 | 2491,0 |

Quá trình suy giảm nguồn lợi tài nguyên đầm phá ảnh hưởng đến nhiều thành phần kinh tế trong xã hội như ngành khai thác chế biến thủy sản, trực tiếp là người khai thác trên đầm phá, nhất là nhóm cư dân vạn đò định cư.

3.3.3. Tri thức bản địa bị xói mòn

Từ xưa đến nay, đa phần cộng đồng vạn đò định cư ven đầm phá Tam Giang sử dụng những kinh nghiệm truyền thống của cá nhân, tập thể được đúc rút trong quá trình sinh sống hoặc được truyền lại để phục vụ cho việc đánh bắt, khai thác trên đầm phá. Thực tế này được phản ánh đầy đủ trong thời vụ sản xuất, được cung cấp qua lịch thời vụ.

Hộp thông tin 2: Kinh nghiệm đánh bắt sông đầm từ tri thức bản địa

Ông Trần Nhi, thôn Thủy Định, xã Phú Đa cho biết, trước đây kinh nghiệm đánh bắt dựa vào sự xuất hiện từng loài, lựa chọn sử dụng các loại ngư cụ, thời điểm nhiều hoặc hạn chế các loài trong năm. Kinh nghiệm này dựa vào các hiện tượng tự nhiên như loại gió mùa, nắng ấm hoặc mưa lạnh; dựa vào sự thay đổi lưu vực dòng chảy, thủy văn hoặc lên xuống của con nước; dựa vào di trú của chim hoặc di cư của con cá; dựa vào sự xuất hiện hoặc biến mất của các loài thủy sinh; dựa vào di chuyển của các loài sinh sống trên đầm phá. Đặc biệt, trong kho tàng tri thức địa phương của cư dân vạn đò đầm phá, những hiện tượng thời tiết có vai trò quan trọng, giúp người dân nhận diện sự được mất của mùa cá, hay nói theo ngôn ngữ địa phương là “hèn” hoặc “khá”.

(Phòng vấn sâu hộ dân 2013).

Đã có một thời gian dài, tri thức bản địa là công cụ hết sức hữu hiệu, được sử dụng như là một cơ chế ứng phó về mưu sinh bền vững trong hoạt động sản xuất nông nghiệp của người dân. Tuy nhiên, một thực tế đáng báo động là tri thức bản địa trong hoạt động đánh bắt khai thác trên đầm phá không còn đúng và có nguy cơ xói mòn. Những quy luật theo mùa đã dần chuyển đổi, thay vào đó là sự thất thường của thời tiết. Nó làm cho người đánh bắt trên phá hết sức bị động, chạy theo tìm cách để đối phó, thích nghi và chấp nhận rủi ro. Kết quả phân tích từ báo cáo của các bên liên quan, từ cộng đồng cung cấp cho thấy các hiện tượng thiên tai, thời tiết trong vòng 10 năm trở lại đây xảy ra hết sức bất thường.

Đây thực sự là thách thức lớn, nó không chỉ xáo trộn những kinh nghiệm, mai một tri thức bản địa, mà còn ảnh hưởng đến sinh hoạt văn hóa, tín ngưỡng, lễ hội cũng như lối sống vốn đã ăn sâu trong máu thịt của cư dân sông nước vạn đò ven phá Tam Giang.

3.3.4. Nhận thức và năng lực thích ứng BĐKH của cộng đồng hạn chế

Nhận thức và năng lực thích ứng hạn chế cũng là một thách thức lớn của cộng đồng vạn đò định cư trước bối cảnh BĐKH đang tác động mạnh đến vùng đầm phá. Báo cáo kết quả hoạt động dự án của CSSH (thuộc hợp phần Quản lý tài nguyên từ năm 2004 đến 2012) ở khu vực phá Tam Giang cho thấy, từ thời điểm can thiệp ban đầu, những hiểu biết của cộng đồng vạn đò về ứng phó với thiên tai rất hạn chế. Những hoạt động, giải pháp, cách thức được người dân đưa ra nhằm ứng phó với thiên nhiên đơn giản, kém hiệu quả, chứa đầy sự rủi ro. Số người chết trong các trận bão, lũ cao hơn những khu vực trên cạn. Số người chết trong tham gia các hoạt động khai thác trên đầm phá xảy ra nhiều, nhất là trong mùa mưa lũ (từ tháng 8 đến tháng 11 hàng năm), tỷ lệ trẻ em chết đuối cao hơn so với vùng khác.

Với những áp lực cả về tự nhiên và con người lên hệ sinh thái đầm phá, thách thức về nhu cầu xã hội của cộng đồng nói chung và cư dân vạn đò nói riêng càng phức tạp hơn. Miếng ăn chưa đủ, sinh kế bấp bênh, những kiến thức, hiểu biết về BĐKH càng trở nên xa vời, thực tế này đòi hỏi nhiều hơn nỗ lực từ nhiều phía trong tiến trình giải quyết những thách thức cho cộng đồng, nhất là thích ứng với BĐKH.

4. KẾT LUẬN VÀ GIẢI PHÁP

Tác động của BĐKH đang đặt ra nhiều cấp bách chưa được giải quyết, nó ảnh hưởng đến việc thực hiện các chính sách, chương trình, nhất là mục tiêu kinh tế về xóa đói giảm nghèo, phát triển bền vững. Phần lớn các địa phương ở nước ta, nhất là các tỉnh ven biển chưa nhận diện đầy đủ mối đe dọa của BĐKH, dẫn đến quá trình lồng ghép vào quy hoạch phát triển trong các ngành, địa phương chịu ảnh hưởng nặng còn hạn chế, yếu kém.

BĐKH đang làm gia tăng các hiện tượng thiên tai như lũ lụt, nước biển dâng, sạt lở, lốc xoáy, bão và áp thấp nhiệt đới tại vùng đầm phá Tam Giang, gây ảnh hưởng lớn đến HST đầm phá và cư dân vạn đò định cư, cụ thể là:

Đối với HST đầm phá: nước biển dâng làm mặn hóa vùng nước lợ, dẫn đến nhiều loài thủy sinh nước lợ bị hủy hoại; một số loài trên cạn di cư hoặc biến mất; nguồn lợi tài nguyên suy giảm do khai thác quá mức và không bền vững.

Đối với cộng đồng vạn đò định cư: đánh bắt không ổn định; nguồn thu nhập bị hạn chế; kinh tế ngày một khó khăn; bỏ nghề dẫn đến thất nghiệp và di cư lao động; tái xuống đò tiếp diễn; xói mòn tri thức địa phương.

Nhận thức của cộng đồng vạn đò về BĐKH còn hạn chế, trong khi chính quyền địa phương chưa có nhiều giải pháp ứng phó hiệu quả. Sau thời điểm cộng đồng vạn đò được định cư, một số chương trình, dự án (cả trong và ngoài nước) bắt đầu can thiệp nhằm giải quyết những vấn đề cấp bách, giúp người dân sớm ổn định cuộc sống. Ngoài những hoạt động nâng cao năng lực, hỗ trợ sinh kế, nhiều cách thức can thiệp nhằm mục đích giúp cộng đồng ứng phó, tránh hoặc giảm thiểu rủi ro do thiên tai, hạn chế những tổn hại về con người và mất mát tài sản. Mặc dù vậy, quá trình nâng cao năng lực và nhận thức cho nhóm cư dân định cư vạn đò không phải một sớm một chiều, mà cần có quá trình lâu dài, đòi hỏi yêu cầu về thời gian cũng như nỗ lực từ nhiều phía, trong đó cộng đồng bản địa và chính quyền địa phương đóng vai trò hết sức quan trọng. Thời điểm cộng đồng vạn đò lên định cư, trên 90% người dân mù chữ; cuộc sống khép kín khiến họ ngại giao tiếp với cư dân bản địa; khó khăn trong tiếp cận các dịch vụ xã hội... Thực tế này diễn ra trong thời gian dài đã làm nảy sinh nhiều vấn đề xã hội trên các lĩnh vực y tế, giáo dục, chính sách, nhất là khó khăn trong trang bị, cung cấp, phổ biến thông tin về thiên tai và phòng tránh rủi ro do thiên tai. Trước thực trạng thời tiết ngày càng phức tạp, bất định và hết sức khó lường, nhiều khó khăn vẫn đang đặt ra, nhất là công tác quản lý, tổ chức cộng đồng và thực hiện các chính sách liên quan đến địa phương và của nhà nước.

Nhằm giúp cho cộng đồng vạn đò định cư ổn định cuộc sống, giảm thiểu các nguy cơ do tác động, ảnh hưởng của BĐKH, nghiên cứu đề xuất một số giải pháp như sau:

- Về quy hoạch:

Diện tích đất trên địa bàn một số xã hạn chế, do đó cần chuyển đổi một số diện tích đất nông nghiệp, ao hồ, đất sử dụng vào mục đích khác để quy hoạch đất ở dự phòng nhằm di dời những hộ đang nằm trong diện sạt lở và nguy cơ sạt lở cao vào nơi an toàn.

Cần sắp xếp, rà soát lại thực tế các hộ dân đang sống trên cạn và dưới nước để chấm dứt tình trạng tái xuống đò đang tiếp diễn, đưa những hộ đang sống dưới đò lên định cư trên cạn bằng cách tuyên truyền, vận động, thậm chí sử dụng hình thức cưỡng chế nhằm hạn chế những thiệt hại về người, tài sản trước tác động của BĐKH.

Quy hoạch diện tích đất ở dự phòng nằm trong khoảng cách hợp lý, phù hợp thực tiễn địa phương, vừa thuận lợi cho cộng đồng vạn đò định cư tham gia đánh bắt, nuôi trồng trên đầm phá, vừa đảm bảo an toàn trước tác động của thiên tai.

Quy hoạch đầm phá tổng thể, bao gồm cả hệ thống ao nuôi cao - hạ - trung triều, di dời chuyển đổi ngư cụ, phân vùng đánh bắt cố định, vùng đánh bắt di động, đảm bảo giao thông đi lại tàu thuyền, đảm bảo lưu thông mặt nước đầm phá trước những cơn lũ lớn.

- Về giám thiêu:

Kêu gọi đầu tư, hỗ trợ từ nhiều nguồn lực để trồng hệ thống cây chắn gió, chắn sóng, cây ngập mặn dọc hai bên bờ biển và ven phá, xây dựng hệ thống đê kè ở những vùng xoáy xung yếu, vùng sạt lở và nguy cơ sạt lở cao nhất.

Nạo vét, gia cố, xây dựng mới hệ thống âu thuyền, tạo nơi trú ẩn an toàn cho tàu thuyền khi thiên tai xảy ra.

Xây dựng hệ thống cảnh báo, dự báo thời tiết, đặc biệt là các hiện tượng thời tiết bất thường như bão, lũ lụt, hạn hán nhằm cảnh báo sớm các hiện tượng thiên tai, giúp người dân yên tâm đánh bắt khai thác trên phá.

- Về thích ứng:

Trao quyền quản lý mặt nước cho các Chi hội nghề cá nhằm phát huy vai trò và năng lực trong quản lý, bảo vệ tài nguyên, hạn chế (đi đến cấm triệt để) những nghề đánh bắt hủy diệt, những hoạt động khai thác trái phép làm suy thoái tài nguyên, hệ sinh thái, ô nhiễm môi trường đầm phá.

Quy hoạch, xây dựng, phát triển các Khu bảo vệ thủy sản nhằm bảo vệ, phục hồi, cân bằng sinh thái vùng đầm phá, điều hoà môi trường và nguồn giống thủy sản.

Tăng cường các loại hình đánh bắt, khai thác, nuôi trồng sinh thái như nuôi cá lồng, chuôm, nuôi rong câu... Đây là những nghề thân thiện với môi trường, tạo sinh kế ổn định và thu nhập bền vững cho người dân.

Nghiên cứu tri thức địa phương về cách thức đối phó phòng tránh thiên tai, từ đó lồng ghép, đưa vào nội dung hương ước, lệ làng, phổ biến trong các lễ hội, phong tục tập quán truyền thống nhằm chuyển tải cách hiệu quả cho cộng đồng.

Thường xuyên nâng cao năng lực thích ứng cho cộng đồng bằng các biện pháp truyền thông (truyền hình, truyền thanh, tờ rơi, panel, hình ảnh...); lồng ghép vào chính sách phát triển kinh tế-xã hội địa phương; tập huấn và trang bị kiến thức về phòng tránh thiên tai, phòng tránh rủi ro trước những tác động của thiên tai, hay rộng hơn là BĐKH.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Nguyễn Hữu Cừ (2002). *Tác động của con người đến môi trường địa chất hệ đầm phá Tam Giang - Cầu Giang*, Hà Nội, Nxb Khoa học và Kỹ thuật.
- [2]. Elsa DaCosta & Sarah Turner (2006). *Negotiating changing livelihoods: The sampan dwellers of Tam Giang lagoon, Viet Nam*, *Geoforum* 38, 190-206
<http://www.geog.mcgill.ca/faculty/turner/DaCosta%20and%20Turner%20Geoforum%202007.pdf>
- [3]. Tong Thi Hai Hanh (2011). *Income diversification in fishing and aquaculture in the Tam Giang Lagoon : adaptation to climate change or not?*. Second cycle, A2E. Uppsala: SLU, Dept. of Urban and Rural Development.
- [4]. Nguyễn Văn Huy (ngày 13 tháng 4, 2011). *Một số vấn đề thích ứng BĐKH dựa vào hệ sinh thái*. Viện chiến lược, chính sách và môi trường. Truy cập từ <http://isponre.gov.vn/home/dien-dan/650-mot-so-van-de-ve-thich-ung-bien-doi-khi-hau-dua-va-o-he-sinh-thai>
- [5]. Nguyễn Hữu Ngữ (2012). Quản lý tài nguyên ven biển dựa vào cộng đồng và những bất hợp lý ở đầm phá Thừa Thiên Huế, *Tạp chí Khoa học, Đại học Huế*, 71 (2), 233-234.
- [6]. Võ Thanh (2009). *Living with change. Local knowledge, institutions, livelihoods and coastal resources in Tam Giang - Cau Hai lagoon system under context of institutional and global climate change*, United States., Ann Arbor.
- [7]. Nguyễn Thám & Nguyễn Hoàng Sơn (2010). Tác động của BĐKH ở lưu vực sông Hương, Thừa Thiên Huế, *Tạp chí khoa học*, 24(58), 107-118.
- [8]. Trần Thục (2011). Biến đổi khí hậu và ứng phó với biến đổi khí hậu- Nghiên cứu chi tiết cho tỉnh Thừa Thiên - Huế, Kỳ yếu hội thảo chuyên đề “*Phục hồi hệ sinh thái và phát triển bền vững trong bối cảnh biến đổi khí hậu*”, Huế, trang 69-117.
- [9]. Trần Thị Tú & Nguyễn Huy Anh (2010). Một số nguyên nhân gây biến đổi đường bờ ở khu vực cửa biển Tư Hiền, tỉnh Thừa Thiên Huế, Kỳ yếu Hội thảo *Môi trường đới ven bờ các tỉnh duyên hải miền Trung Việt Nam*, NXB. Đại học Huế, trang 191- 204.
- [10]. Trương Văn Tuyển, Armitage. D, Marschke. M. (2010). Livelihoods co-management in Tam Giang lagoon, Viet Nam, *Ocean and Coastal management*, 53, 327-335.
- [11]. Lê Nguyên Tường (2010). *Tác động của Biến đổi khí hậu đến ngành Nông nghiệp Thừa Thiên Huế*, Viện Khoa học Khí tượng thủy văn môi trường. Truy cập <http://www.nea.gov.vn/>

IMPACTS OF CLIMATE CHANGE IN TAM GIANG LAGOON AND ITS EFFECTS ON RESETTLED COMMUNITIES

Pham Van Thien

Center for Social Sciences and Humanities, Hue University of Sciences

Email: thienjob@gmail.com

ABSTRACT

Climate Change (CC) has caused many pressures and profound impacts on every aspects of social life, culture and daily activities of the resettled communities along the Tam Giang Lagoon, Thua Thien Hue Province. Despite settling on land after serious disasters, the resettled communities have to face with many difficulties and challenges like erosion, land slide, increase of sea water, lack of land for housing and exhaustion of natural resources as well as environmental pollution. This has led many negative social problems such as: unemployment, labor migration, boat resettlement, re-illiteracy and other inadequacies in polices implementation and management, especially related to poverty elimination. In the face of such serious influences of CC towards the Lagoon, the poor fisher communities, whose livelihoods depend on it, are the most vulnerable and effected.

Keywords: *climate change, livelihood, pressure, resettled fishermen, vulnerable.*